

Số: 419/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ các Điều 29; khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 396; và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ thụ lý số 401/2022/TLST- HNGĐ ngày 12/7/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu:

Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1972

HKTT: 107 nhà B3 số 189 phố T, quận H, thành phố H.

Nơi cư trú: 313 nhà E3 phố Q, quận H, thành phố H.

Ông **Nguyễn Việt H**, sinh năm 1972

Cùng HKTT và nơi ở: 107 nhà B3 số 189 Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân : Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Việt H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/01/1999 tại UBND phường Q, quận H, thành phố H. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại 107 nhà B3 số 189 phố T, quận H, thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông bà đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Việt H có 02 con chung là Nguyễn Chí L, sinh ngày 30/4/2001 và Nguyễn An Q, sinh ngày 11/01/2007. Cháu L đã đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) nên không yêu cầu toà án không xem xét, giải

quyết. Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận bà N sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu Q. Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản, nhà ở chung và vay nợ chung: Ông bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí : Bà Trần Thị N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- **Về tình cảm:** Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Việt H cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Cháu L đã đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) nên không yêu cầu toà án không xem xét, giải quyết. Giao cháu Nguyễn An Q, sinh ngày 11/01/2007 cho bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác. Ông H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản, nhà ở chung và nợ chung:** Ông bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2020/0012619 ngày 12/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Quận Hai Bà Trưng ;
- UBND Phường Q, Quận H, Hà Nội.
(số 02 quyển số 01/1999)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Khuất Thị Phương Lan